TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 200/2025/HNGĐ-ST Ngày: 05-5-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Trần Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-4-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25-4-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Vân A, sinh năm 1985; số căn cước công dân: 036185029086; nơi cư trú: Số nhà 85 đường VX, phường VX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 036086009617; nơi cư trú: Số nhà 85 đường VX, phường VX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31-3-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường BT (nay là phường CB), thành phố

NĐ vào ngày 14-8-2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự thông cảm và không hiểu nhau. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Kỳ P (giới tính: Nam), sinh ngày 29-3-2013. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Kỳ P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Trần Văn D tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 31-3-2025, cháu Trần Kỳ P là con chung của chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D trình bày nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 01-4-2025, chính quyền địa phương nơi chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D cư trú cung cấp: Chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 14-8-2014 tại Ủy ban nhân dân phường BT (nay là phường CB), thành phố NĐ. Chị Vân A và D có 01 con chung là Trần Kỳ P (giới tính: Nam), sinh ngày 29-3-2013. Quá trình chung sống chị Vân A và D có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay anh chị đang sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D chính quyền địa phương không biết chính xác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn; tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Vân A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Vân A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Kỳ P cho chị Đỗ Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-3-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Vân A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn D và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị và anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Văn D không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Bị đơn là anh Trần Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2; chị Đỗ Vân A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là chị Đỗ Vân A và bị đơn là anh Trần Văn D.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT (nay là phường CB), thành phố NĐ vào ngày 14-8-2014. Như vậy, hôn nhân giữa chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị Đỗ Vân A và cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn D cư trú thì vợ chồng chị Vân A và anh D có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị Đỗ Vân A trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, không hiểu nhau, vợ chồng đã sóng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Vân A: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. *Về nuôi con*

Chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Kỳ P (giới tính: Nam), sinh ngày 29-3-2013. Chị Đỗ Vân A đề nghị Tòa án giao cháu Trần Kỳ P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu Trần Kỳ P đang được chị Đỗ Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu Trần Kỳ P có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; chị Đỗ Vân A có đủ điều kiện nuôi con; vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Kỳ P cho chị Đỗ Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Vân A tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:*

Chị Đỗ Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Đỗ Vân A là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Vân A đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử ly hôn giữa chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D.

2. Về nuôi con:

- Giao cháu Trần Kỳ P (giới tính: Nam), sinh ngày 29-3-2013 cho chị Đỗ Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Vân A tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Vân A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Đỗ Vân A đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002692 ngày 26-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

5. Chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Đỗ Vân A và anh Trần Văn D có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường BT (nay là phường CB), thành phố NĐ (GCNKH số 39/2014, ngày 14-8-2014);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh